

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 06-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trung
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Dài.

Ông Ngô Văn Khon.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2022/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đỗ Đình H**, sinh năm 1972.

Địa chỉ cư trú: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quốc N**, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

- *Người làm chứng:*

1. **Huỳnh Tấn N1**, sinh năm 1983.

2. **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1972.

3. **Phạm Hoàng T**, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ cư trú: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.**

Ông **Đỗ Đình H** có mặt, anh **Nguyễn Quốc N** vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Anh **Huỳnh Tấn N1**, anh **Nguyễn Văn B** và anh **Phạm Hoàng T** có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông **Đỗ Đình H** trình bày:

Ông **Đỗ Đình H** và anh **Nguyễn Quốc N** có mối quan hệ bạn bè và là người cùng địa phương. Từ năm 2017 đến nay ông **Đỗ Đình H** có cho anh **Nguyễn Quốc N** vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 03/10/2017, anh **Nguyễn Quốc N** nhận vay của ông **Đỗ Đình H** số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), đến ngày 11/5/2020, anh **Nguyễn Quốc N** tiếp tục vay của ông **Đỗ Đình H** số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi suất: không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay: không kỳ hạn. Tổng cộng 220.000.000 đồng (Hai trăm, hai mươi triệu đồng).

Sau đó, anh **N** trả cho ông **H** được 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), còn nợ lại số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Ngày 10/02/2022 qua nhiều lần đòi nợ anh **N** có viết tờ thỏa thuận, hẹn hàng tháng trả cho ông **H** 10.000.000 đồng nhưng vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 06/02/2023 anh **N** còn nợ lại ông **H** số tiền cụ thể như sau:

Nợ gốc 200.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 10/02/2022 đến ngày 06/02/2023 là 11 tháng 27 ngày: $200.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 39.508.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng gốc và lãi là 239.508.000 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu, năm trăm lẻ tám nghìn đồng).

Ông **Đỗ Đình H** yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc anh **Nguyễn Quốc N** có trách nhiệm trả cho ông **Đỗ Đình H** số tiền gốc, lãi tính đến ngày 06/02/2023 tổng cộng là 239.508.000 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu, năm trăm lẻ tám nghìn đồng).

- Bị đơn anh **Nguyễn Quốc N** không có Văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

- Người làm chứng anh **Huỳnh Tấn N1**, ông **Nguyễn Văn B** và anh **Phạm Hoàng T** đều có bản tự khai trình bày: Vào ngày 10/02/2022 tại nhà của ông **Đỗ Đình H** có chứng kiến việc anh **Nguyễn Quốc N** viết tờ thỏa thuận nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) đối với ông **Đỗ Đình H**.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Tờ thỏa thuận ngày 10/02/2022 (Bản đối chiếu); Biên nhận ngày 11/5/2020 (Bản photo); Biên nhận ngày 03/10/2017 (Bản photo); Bản khai của anh **Huỳnh Tấn N1** ngày 29/12/2022 (Bản chính); Bản khai của ông **Nguyễn Văn B** ngày 29/12/2022 (Bản chính); Bản khai của anh **Phạm Hoàng T** 29/12/2022 (Bản chính); Căn cước công dân của ông **Đỗ Đình H** (Bản sao); Sổ hộ khẩu có tên ông **Đỗ Đình H** (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của ông **Đỗ Đình H** và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh **Nguyễn Quốc N** cư trú tại **ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh **Nguyễn Quốc N** được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **Nguyễn Quốc N** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh **Huỳnh Tấn N1**, ông **Nguyễn Văn B** và anh **Phạm Hoàng T** là người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa có lý do và có bản tự khai thể hiện trong hồ sơ vụ án do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với người làm chứng theo quy định tại Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của biên nhận ngày 10/02/2022 dương lịch.

Xét thấy, sau khi thống nhất thỏa thuận giữa ông **H** và anh **N** tiến hành xác lập hợp đồng vay tài sản không có ghi lãi suất, không kỳ hạn trả nợ. Việc xác lập hợp đồng vay tài sản có sự chứng kiến của những người làm chứng là anh **Huỳnh Tấn N1**, ông **Nguyễn Văn B** và anh **Phạm Hoàng T**. Điều này chứng minh vào ngày 10/02/2022 dương lịch giữa các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản.

Như vậy, tại thời điểm xác lập hợp đồng vay tài sản ông **H** và anh **N** có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật. Do đó, khi xác lập hợp đồng thì ông **H** và anh **N** đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng vay tài sản giữa ông **H** và anh **N** có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của ông **Đỗ Đình H** trả số tiền vốn gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 10/02/2022 đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 06/02/2023).

Cụ thể: Tiền lãi từ ngày 10/3/2022 đến ngày 06/02/2023 là 11 tháng 27 ngày: 200.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 11 tháng 27 ngày = 239.508.000 đồng

(Hai trăm ba mươi chín triệu, năm trăm lẻ tám nghìn đồng) là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích đã nêu trên, ông **Đỗ Đình H** cầu anh **Nguyễn Quốc N** trả cho ông **Đỗ Đình H** số tiền gốc và lãi là 239.508.000 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu, năm trăm lẻ tám nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Đỗ Đình H** nên anh **Nguyễn Quốc N** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 117, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Đỗ Đình H**.

Buộc anh **Nguyễn Quốc N** trả cho ông **Đỗ Đình H** số tiền vay gốc và lãi là 239.508.000 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu, năm trăm lẻ tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Buộc anh **Nguyễn Quốc N** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.975.000 đồng (Mười một triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả ông **Đỗ Đình H** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0014327 ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Trung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA